

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan;

Ông Đàm Công Du.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 425/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, trú tại: Thôn Q, xã M, huyện A, thành phố P, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Trần Văn Q, trú tại: Thôn Q, xã M, huyện A, thành phố P, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 01 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn Q chung sống với nhau năm 2005 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố P vào ngày 25 tháng 7 năm 2007. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung, đến năm 2016 thì

phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không hợp nhau. Anh Q đưa đòi bạn bè, không chịu khó làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, kinh tế gia đình khó khăn, chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không thay đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ cuối năm 2017 chị H đã thuê nhà ở riêng và sống ly thân với anh Q, hai bên không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Q. Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là Trần Danh P, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2007 và Trần Trí H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2009. Chị H đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H trình bày chị và anh Q tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần đến tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Trần Văn Q đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh Trần Văn Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố P tại phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Q không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử cho chị H được ly hôn anh Q; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con là Trần Danh P, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2007 và Trần Trí H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2009 cho chị H nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn việc anh cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố P vào ngày 25 tháng 7 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không hợp nhau. Anh Trần Văn Q đưa đòi bạn bè, không chịu khó làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, kinh tế gia đình khó khăn, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Trần Văn Q không thay đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng sống không tôn trọng nhau, mâu thuẫn kéo dài. Từ cuối năm 2017 chị Trần Thị Thu H đã thuê nhà ở riêng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn Q có 02 con chung là Trần Danh P, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2007 và Trần Trí H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2009, chị H đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hai con của chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn Q đều có ý kiến được ở với chị Trần Thị Thu H. Xét đề nghị của chị Trần Thị Thu H là tự nguyện và phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ*: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao hai con Trần Danh P, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2007 và Trần Trí H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2009 cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Trần Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Thu H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017068 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố P. Chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP P;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

